TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2025
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trịnh Thị Huệ
2. Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-DS ngày 31/3/2025 về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đinh Thị D, sinh năm 1964; nơi thường trú: khu Khe Nước, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1961; nơi thường trú: tổ 5, khu Nam Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2025, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/4/2025 nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 ở cùng với bố mẹ đẻ của bà Dân tại khu Khe Nước, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà Dân và ông Thành không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường Cộng Hoà. Sau một thời gian chung sống bà Dân và ông Thành thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Dân và ông Thành không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Bà Dân và ông Thành đã nhiều lần nói chuyện, gia đình cũng đã tiến hành hòa giải để hoá giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không có kết quả. Do đó, năm 2007 ông Đỗ Xuân T đã bỏ bà Dân về sinh sống tại tổ 5, khu Nam Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay. Sau khi bà Dân và ông Thành sống ly thân thì ông Thành và bà Dân cũng không đăng ký kết hôn tại địa phương nơi ông Thành sinh sống. Nay bà Dân thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy bà Đinh Thị D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết không công nhận bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T là vợ chồng.

+ Về con chung: trong quá trình chung sống bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T có 01 con chung là Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002). Con chung là Đỗ Thị Thoa đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, nên bà Đinh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: không có tài sản chung và công nợ chung.

2- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/4/2025, bị đơn ông Đỗ Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh sống có nội dung giống như bà Dân đã trình bày ở trên. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Thành và bà Dân bất đồng quan điểm về cách nuôi dậy con và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thiếu tôn trọng và không quan tâm lẫn nhau. Bà Dân và ông Thành đã nhiều lần nói chuyện, gia đình cũng đã tiến hành hòa giải để hoá giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không có kết quả. Do đó, năm 2007 ông Đỗ Xuân T đã bỏ về sinh sống tại tổ 5, khu Nam Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay. Sau khi bà Dân và ông Thành sống ly thân thì ông Thành và bà Dân cũng không đăng ký kết hôn tại địa phương nơi ông Thành sinh sống. Vì vậy, ông Đỗ Xuân T đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Dân, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả không công nhận ông và bà Đinh Thị D là vợ chồng.

+ Về con chung: ông Đỗ Xuân T và bà Đinh Thị D có 01 con chung là Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002). Con chung là Đỗ Thị Thoa đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, nên ông Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: ông Đỗ Xuân T và bà Đinh Thị D không có tài sản chung và công nợ chung.

3 -Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị D cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 59/2025/UBND-XNTTHN ngày 24/3/2025 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông Đỗ Xuân T có nội dung: trong thời gian cư trú tại phường Cẩm Thạch chưa đăng ký kết hôn với ai. Hiện đang có 01 người con gái là Đỗ Thị Thoa, sinh ngày 31/5/2002, căn cước công dân số

022302002038, cư trú: khu Khe Nước, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Tại Văn bản cam kết đề ngày 24/3/2025 của bà Đinh Thị D, Ủy ban nhân dân phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh có xác nhận: qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1985 đến nay đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường không có ghi tên bà Đinh Thị D (sinh năm 1964) và ông Đỗ Xuân T (sinh năm 1961).

- Tại Đơn xin cam kết của chị Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002), Ủy ban nhân dân phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh có xác nhận: chị Đỗ Thị Thoa có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có bố đẻ là Đỗ Xuân T và mẹ là Đinh Thị D.

4- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện cơ bản đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014,

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T là vợ chồng.

+ Về con chung: bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T có 01 con chung là Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002). Con chung Đỗ Thị Thoa đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Đinh Thị D yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ giữa bà với ông Đỗ Xuân T (hiện cư trú tại tổ 5, khu Nam Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) là vợ chồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]Theo lời trình bày của bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và ở cùng với bố mẹ đẻ của bà Dân tại khu Khe Nước, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, nhưng bà Dân và ông

Thành không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân của bà Dân, ông Thành không được pháp luật công nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Sau một thời gian chung sống bà Dân và ông Thành thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Dân và ông Thành không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Bà Dân và ông Thành đã nhiều lần nói chuyện, gia đình cũng đã tiến hành hòa giải để hoá giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không có kết quả. Do đó, năm 2007 ông Đỗ Xuân T đã bỏ bà Dân về sinh sống tại tổ 5, khu Nam Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay. Sau khi bà Dân và ông Thành sống ly thân thì ông Thành và bà Dân cũng không đăng ký kết hôn tại địa phương nơi ông Thành sinh sống. Mặt khác, quan hệ vợ chồng và quá trình chung sống vợ chồng theo lời trình bày của bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T cũng phù hợp với xác nhận của địa phương nơi bà Dân và ông Thành đang cư trú và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T không phải là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm b mục 3 nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội vì hai ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000.

Do đó, căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D, không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T có 01 con chung là Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002). Con chung là Đỗ Thị Thoa đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, nên không Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: bà Đinh Thị D là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí dân sự nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đinh Thị D.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí , lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị D và ông Đỗ Xuân T có 01 con chung là Đỗ Thị Thoa (sinh ngày 31/5/2002). Con chung Đỗ Thị Thoa đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

3. Về tài sản chung và về vay nợ chung: không có.

4. Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với nguyên đơn (bà Đinh Thị D).

5- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cẩm Phả;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Cẩm Phả;
- UBND phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên;
- UBND phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan